

Bản án số: 14/2025/DSST
Ngày: 28/4/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HOÁ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lê Thị Phương.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Mai Thị Tiếp.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 04 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 199/2025/TLST- DS ngày 19 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXX-ST ngày 28 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A .

Địa chỉ: số xxx, đường K, phường N, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến Ph - Chức vụ: Tổng giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Th – Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ.

- Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Tr - Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ (Có mặt).

Theo Giấy ủy quyền số: 648/UB-CNTL.25 ngày 4/3/2025 của ngân hàng TMCP A

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn Tr2, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà z, đường T, phường Ph, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 16/10/2024 của Nguyên đơn và Bản tự khai của Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ngân hàng TMCP A trình bày:

NGÂN HÀNG TMCP A cấp thẻ tín dụng cho anh Bùi Văn Tr2 căn cứ theo: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của anh Bùi Văn Tr2 ngày 16/7/2020; Bản Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của NGÂN HÀNG TMCP A ; Các Văn bản của anh Bùi Văn Tr2 ký với NGÂN HÀNG TMCP A về việc sử dụng thẻ tín dụng. Chi tiết như sau: số thẻ tín dụng 4365 xxxxxx 514142 cấp ngày 20/7/2020; Loại thẻ: Visa EMV Platinum (Thẻ tín dụng Quốc tế); Hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng; Hiệu lực thẻ: 01/7/2023; Lãi suất: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của NGÂN HÀNG TMCP A – là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, anh Bùi Văn Tr2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ với NGÂN HÀNG TMCP A . Do đó, căn cứ theo thỏa thuận hai bên về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn thì ngày 22/4/2024, NGÂN HÀNG TMCP A đã chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với toàn bộ khoản thẻ chưa thanh toán của thẻ tín dụng 4365 991000514142. Tính đến ngày 09/10/2024, anh Bùi Văn Tr2 còn nợ NGÂN HÀNG TMCP A đối với thẻ tín dụng 4365 xxxxxx 514142 tổng số tiền là 61.381.719 đồng (sáu mươi một triệu ba trăm tám mươi một nghìn bảy trăm mười chín đồng), trong đó: số tiền gốc là 52.336.524 đồng (Năm mươi hai triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi tư đồng), lãi quá hạn là 9.045.195 đồng (Chín triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm chín mươi lăm đồng). NGÂN HÀNG TMCP A đề nghị Tòa án tuyên buộc anh Bùi Văn Tr2 trả ngay cho NGÂN HÀNG TMCP A tổng số nợ 61.381.719 đồng (sáu mươi một triệu ba trăm tám mươi một nghìn bảy trăm mười chín đồng), trong đó: số tiền gốc là 52.336.524 đồng (Năm mươi hai triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi tư đồng), lãi quá hạn là 9.045.195 đồng (Chín triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm chín mươi lăm đồng); Buộc anh Bùi Văn Tr2 phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của NGÂN HÀNG TMCP A tính kể từ ngày 10/10/2024 đến ngày trả hết nợ.

Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 16/7/2020, anh Bùi Văn Tr2 đã cung cấp thông tin về địa chỉ hiện tại và địa chỉ thường trú là 68 Tân Thảo phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên, Ngày 24/02/2025, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã làm việc với ông Nguyễn Văn Thái (Phó chủ tịch UBND phường Phú Sơn) và ông Nguyễn Bá Mậu (trưởng phố Trần Phú – phường Phú Sơn) ghi nhận thông tin về việc anh Bùi Văn Tr2 có hộ khẩu thường trú tại số 68 Tân Thảo, phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa nhưng hiện nay anh Bùi Văn Tr2 không có mặt tại địa phương. Anh

Bùi Văn Tr2 đi khỏi địa phương nhưng không thông báo cho Ngân hàng thông tin địa chỉ mới.

Quá trình giải quyết vụ án, Các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã được niêm yết theo đúng quy định. Tuy nhiên, anh Bùi Văn Tr2 không liên hệ tới Tòa án để trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị đơn - anh Bùi Văn Tr2 vắng mặt lần 2 không có lý do.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày ý kiến: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu anh Bùi Văn Tr2 phải trả số tiền gốc là 52.336.524 đồng (Năm mươi hai triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi tư đồng), lãi quá hạn là 9.045.195 đồng (Chín triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm chín mươi lăm đồng); Buộc anh Bùi Văn Tr2 phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của NGÂN HÀNG TMCP A tính kể từ ngày 10/10/2024 đến ngày trả hết nợ.

Số tiền 52.336.524 đồng mà nguyên đơn yêu cầu chính là khoản dư nợ chuyển quá hạn, bao gồm nợ gốc 43.156.814 đồng, tiền lãi trong hạn là 9.179.710 đồng. Tuy nhiên, Sau thời điểm chuyển nợ quá hạn từ ngày 22/4/2024 đến thời điểm hiện tại là ngày 28/4/2025, anh Bùi Văn Tr2 đã thanh toán thêm 05 đồng (hệ thống tự động cắt nợ) được trừ vào dư nợ gốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp Bảng kê tính lãi đối với anh Bùi Văn Tr2 tính đến ngày 28/04/2025 là 72.076.327 đồng (bảy mươi hai triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là 43.156.809 đồng (Bốn mươi ba triệu một trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm lẻ chín đồng), lãi trong hạn là 9.179.710 đồng (Chín triệu một trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm mười đồng), nợ lãi quá hạn: 19.739.808 đồng (mười chín triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn tám trăm lẻ tám đồng). Đề nghị Tòa án tuyên buộc anh Bùi Văn Tr2 trả ngay cho NGÂN HÀNG TMCP A số tiền tính đến ngày 28/4/2025 là 72.076.327 đồng (bảy mươi hai triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là 43.156.809 đồng (Bốn mươi ba triệu một trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm lẻ chín đồng), lãi trong hạn là 9.179.710 đồng (Chín triệu một trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm mười đồng), nợ lãi quá hạn: 19.739.808 đồng (mười chín triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn tám trăm lẻ tám đồng) và anh Bùi Văn Tr2 phải tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày 29/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 16/7/2020 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của NGÂN HÀNG TMCP A .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa phát biểu quan điểm:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đúng theo quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của BLTTDS. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Bùi Văn Tr2 trả cho NGÂN HÀNG TMCP A số tiền tính đến ngày 28/4/2025 là 72.076.327 đồng (bảy mươi hai triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là 43.156.809 đồng (Bốn mươi ba triệu một trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm lẻ chín đồng), lãi trong hạn là 9.179.710 đồng (Chín triệu một trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm mười đồng), nợ lãi quá hạn: 19.739.808 đồng (mười chín triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn tám trăm lẻ tám đồng) và anh Bùi Văn Tr2 phải tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày 29/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 16/7/2020 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của NGÂN HÀNG TMCP A .

Về án phí: Anh Bùi Văn Tr2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng (là pháp nhân) và cá nhân anh Bùi Văn Tr2, mục đích vay vốn của anh Bùi Văn Tr2 nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng của cá nhân. Đây là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 16/7/2020, anh Bùi Văn Tr2 cung cấp thông tin về địa chỉ thường trú và nơi ở hiện tại của anh Bùi Văn Tr2 là số 68 Tân Thảo, phường Phú Sơn, thành phố

Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thì anh Bùi Văn Tr2 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ nêu trên, nhưng hiện nay anh Bùi Văn Tr2 không có mặt tại địa phương. Việc anh Bùi Văn Tr2 đang nợ NGÂN HÀNG TMCP A nhưng khi thay đổi địa chỉ thì không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú, cũng không thông báo cho NGÂN HÀNG TMCP A biết địa chỉ mới làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện nên căn cứ điểm e Khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định người bị kiện cố tình giấu địa chỉ và tiến hành giải quyết theo thủ tục chung. Do bị đơn anh Bùi Văn Tr2 có nơi cư trú (nơi đăng ký hộ khẩu thường trú) tại số 68 Tân Thảo, phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa nên theo quy định của các Điều 26, Điều 35, Điều 39, điểm e Khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

[1.3] Thủ tục tố tụng: Do anh Bùi Văn Tr2 không có mặt tại địa phương nên Văn phòng thừa phát lại đã tiến hành niêm yết các Văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Mặc dù đã được niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh Bùi Văn Tr2 vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Bùi Văn Tr2.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 16/7/2020, anh Bùi Văn Tr2 có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng tại Ngân hàng NGÂN HÀNG TMCP A . Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng có nội dung “Mẫu đơn này cùng với bản các điều khoản điều kiện tạo nên một hợp đồng ràng buộc về mặt pháp lý giữa chính tôi/chúng tôi và NGÂN HÀNG TMCP A ”. Do đó, có căn cứ xác định rằng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng Quốc tế của ngân hàng NGÂN HÀNG TMCP A tạo nên Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Khi ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117, 119 Bộ luật dân sự và phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên có hiệu lực pháp luật.

Mặc dù bị đơn anh Bùi Văn Tr2 vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của NGÂN HÀNG TMCP A . Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do NGÂN HÀNG TMCP A cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 16/7/2020, anh Bùi Văn Tr2 ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng với NGÂN HÀNG TMCP A . Đến ngày 20/7/2020, NGÂN HÀNG TMCP A phát

hành thẻ tín dụng số 4365 xxxxxx 514142 cho anh Bùi Văn Tr2. Sau khi anh Bùi Văn Tr2 được phát hành thẻ tín dụng, quá trình sử dụng thẻ tín dụng số 4365 xxxxxx 514142 tính đến ngày 22/4/2024 đã phát sinh dự nợ là 52.336.524 đồng (Năm mươi hai triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi tư đồng), trong đó nợ gốc là 43.156.809 đồng (Bốn mươi ba triệu một trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm lẻ chín đồng), lãi trong hạn là 9.179.710 đồng (Chín triệu một trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm mười đồng). Do anh Bùi Văn Tr2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán với NGÂN HÀNG TMCP A nên ngày 22/4/2024 NGÂN HÀNG TMCP A phát hành Thông báo chuyển nợ quá hạn với số tiền là 52.336.524 đồng (Năm mươi hai triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi tư đồng) và chấm dứt sử dụng thẻ tín dụng đối với anh Bùi Văn Tr2.

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự thì NGÂN HÀNG TMCP A khởi kiện yêu cầu bên vay thanh toán nợ gồm nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn là có căn cứ, cần được chấp nhận. Theo đó, buộc anh Bùi Văn Tr2 phải trả cho NGÂN HÀNG TMCP A số tiền tính đến ngày 28/4/2025 là: 72.076.327 đồng (bảy mươi hai triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là 43.156.809 đồng (Bốn mươi ba triệu một trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm lẻ chín đồng), lãi trong hạn là 9.179.710 đồng (Chín triệu một trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm mười đồng), nợ lãi quá hạn: 19.739.808 đồng (mười chín triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn tám trăm lẻ tám đồng) và anh Bùi Văn Tr2 phải tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày 29/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 16/7/2020 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của NGÂN HÀNG TMCP A .

[3] Về án phí: Căn cứ 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn NGÂN HÀNG TMCP A được chấp nhận, nên bị đơn anh Bùi Văn Tr2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm e Khoản 1 Điều 192; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NGÂN HÀNG TMCP A đối với anh Bùi Văn Tr2.

Buộc anh Bùi Văn Tr2 phải trả cho NGÂN HÀNG TMCP A số tiền tính đến ngày 28/4/2025 là: 72.076.327 đồng (bảy mươi hai triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là 43.156.809 đồng (Bốn mươi ba triệu một trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm lẻ chín đồng), lãi trong hạn là 9.179.710 đồng (Chín triệu một trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm mười đồng), nợ lãi quá hạn: 19.739.808 đồng (mười chín triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn tám trăm lẻ tám đồng) và phải tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày 29/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 4365 xxxxxx 514142 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của NGÂN HÀNG TMCP A .

- Về án phí: Buộc anh Bùi Văn Tr2 phải chịu tiền án phí là 3.603.816 đồng (Ba triệu sáu trăm lẻ ba nghìn tám trăm mười sáu đồng).

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho NGÂN HÀNG TMCP A đã nộp là 1.534.000 đồng (Một triệu năm trăm ba mươi tư nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002228 ngày 18/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương